

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt giao đất tái định cư cho 04 hộ gia đình, cá nhân; điều chỉnh giao đất tái định cư cho các hộ gia đình và điều chỉnh tên chủ sử dụng cho 03 hộ gia đình bị ảnh hưởng giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Xây dựng Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới, phường Nhơn Bình và Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 và Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2914/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án Xây dựng tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới;

Căn cứ Quyết định số 844/QĐ-UBND ngày 21/3/2023, Quyết định số 1692/QĐ-UBND ngày 17/5/2023, Quyết định số 3549/QĐ-UBND ngày 25/9/2023; Quyết định số 3786/QĐ-UBND ngày 30/10/2024 và Quyết định số 4353/QĐ-UBND ngày 17/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt giá đất ở cụ thể tại các Khu dân cư, khu tái định cư để tính thu tiền sử dụng đất tái định cư phục vụ dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-UBND ngày 4/6/2024, Quyết định số 2764a/QĐ-UBND ngày 31/7/2024, Quyết định số 3969/QĐ-UBND ngày 27/10/2023, Quyết định số 3081/QĐ-UBND ngày 18/8/2023, Quyết định số 1879/QĐ-UBND ngày 27/5/2024, Quyết định số 1107/QĐ-UBND ngày 01/4/2024, Quyết định số 4148/QĐ-UBND ngày 13/11/2023, Quyết định số 2719/QĐ-UBND ngày 29/7/2024 và Quyết định số 2754a/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 147/TTr-STNMT ngày 18/02/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giao đất tái định cư cho 04 hộ gia đình, cá nhân; điều chỉnh giao đất tái định cư cho các hộ gia đình và điều chỉnh tên chủ sử dụng cho 03 hộ gia đình bị ảnh hưởng giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Xây dựng Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới, phường Nhơn Bình và Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, với nội dung chính như sau:

1. Giao đất tái định cư và điều chỉnh giao đất tái định cư

- Thu hồi 08 lô đất (07 lô tại Khu dân cư phía Đông Chùa Bình An và 01 lô tại Khu dân cư khu vực 4, phường Nhơn Bình) đã giao cho 08 hộ gia đình, cá nhân được phê duyệt tại các Quyết định số 3969/QĐ-UBND ngày 27/10/2023, Quyết định số 3081/QĐ-UBND ngày 18/8/2023, Quyết định số 1879/QĐ-UBND ngày 27/5/2024, Quyết định số 1107/QĐ-UBND ngày 01/4/2024, Quyết định số 4148/QĐ-UBND ngày 13/11/2023, Quyết định số 1982/QĐ-UBND ngày 4/6/2024 và Quyết định số 2674a/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh;

(Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo).

- Giao 10 lô đất tái định cư tại Khu dân cư phía Đông chùa Bình An, phường Nhơn Bình cho 10 hộ gia đình với tổng diện tích đất được giao là 938,48m²; tổng số tiền sử dụng đất phải nộp 8.481.600.000 đồng;

- Giao 02 lô đất tái định cư tại Khu dân cư Khu vực 4, phường Nhơn Bình cho 02 hộ gia đình với tổng diện tích được giao là 244,2m²; tổng số tiền sử dụng đất phải nộp là 2.654.450.000 đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo).

2. Điều chỉnh tên chủ sử dụng đất

- Tại Quyết định số 3081/QĐ-UBND ngày 12/7/2023 và Quyết định số 2719/QĐ-UBND ngày 29/7/2024:

+ Từ “**Nguyễn Văn Lâm, vợ Phạm Thị Chinh**” thành “**Nguyễn Văn Lâm, vợ Phan Thị Chinh**”;

+ Từ “**Phan Thị Huyền Trân**” thành “**Phan Thị Huyền Trâm**”

- Tại Quyết định số 2754a/QĐ-UBND ngày 31/7/2023: Từ “**Nguyễn Văn Nhơn, vợ Lê Thị Kim Lang**” thành “**Nguyễn Văn Nhơn, vợ Lê Thị Kim Lan**”.

(Chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo).

Điều 2. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1982/QĐ-UBND ngày 4/6/2024, Quyết định số 2764a/QĐ-UBND ngày 31/7/2024, Quyết định số 3969/QĐ-UBND ngày 27/10/2023, Quyết định số 3081/QĐ-UBND ngày 18/8/2023, Quyết định số 1879/QĐ-UBND ngày 27/5/2024, Quyết định số 1107/QĐ-UBND ngày 01/4/2024, Quyết định số 4148/QĐ-UBND ngày 13/11/2023, Quyết định số 2719/QĐ-UBND ngày 29/7/2024 và Quyết định số 2754a/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Giao Ban GPMB tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này đúng quy định hiện hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Trưởng ban Ban GPMB tỉnh, Giám đốc Ban QLDA Giao thông tỉnh, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn, hộ gia đình, cá nhân có liên quan và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tụ Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tụ Công Hoàng

PHỤ LỤC 1

THU HỒI CÁC LÔ ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ GIAO CHO CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN ĐÃ ĐƯỢC UBND TỈNH PHÊ DUYỆT DỰ ÁN ĐƯỜNG VEN BIỂN (ĐT.639), ĐOẠN TỪ QUỐC LỘ 1D-QUỐC LỘ 19 MỚI
(Kèm theo Quyết định số _____/QĐ-UBND ngày _____/02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Lô đất tái định cư được giao				Giá trị tiền sử dụng đất phải nộp (đồng)	Ghi chú
			Lô đất, khu	đường (lộ giới)	Vị trí đất tái định cư được giao	Diện tích (m ²)		
I Tại Quyết định số 2764a/QĐ-UBND ngày 31/7/2024								
1	Lê Thanh	348 Hùng Vương, phường Nhơn Bình	Lô 3, Khu OLK-02	đường ĐS3, lộ giới 16m	Khu dân cư khu vực 4, phường Nhơn Bình	78,5	903.180.000	Số thứ tự 1 Phụ lục IV kèm theo Quyết định
II Tại Quyết định số 1982/QĐ-UBND ngày 4/6/2024								
1	Nguyễn Trung (chết), Nguyễn Thị Dỹ (chết), ông Nguyễn Văn Đay, ông Nguyễn Văn Quận đồng quyền sử dụng	Tổ 9, khu vực 2, P. Nhơn Bình	Lô 59 - Khu N	Đường Đ1 (B-B), lộ giới 15,5m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An, phường Nhơn Bình	108,5	813.750.000	Số thứ tự 5, mục I Phụ lục 4 kèm theo Quyết định
2	Nguyễn Văn Đay	Tổ 9, khu vực 2, P. Nhơn Bình	Lô 57đ, Khu N	Đường Đ1 (B-B), lộ giới 15,5m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An, phường Nhơn Bình	75,0	750.000.000	Số thứ tự 1, mục II, Phụ lục 4, kèm theo Quyết định
III Tại Quyết định số 3081/QĐ-UBND ngày 18/8/2023								
1	Trần Văn Đáng (chết), vợ Lê Thị Đẩu	Khu vực 6, P. Nhơn Phú	Lô 47+48, Khu N	Đường Đ1(B-B), lộ giới 15,5m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An, phường Nhơn Bình	124,0	930.000.000	Số thứ tự 1, mục A2 Phụ lục kèm theo Quyết định
IV Tại Quyết định số 1879/QĐ-UBND ngày 27/5/2024								
1	Lê Văn Thơ, vợ Nguyễn Thị Thanh Mận	Khu vực 2, P. Nhơn Bình	Lô 55, Khu N	Đường Đ1(B-B), lộ giới 15,5m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An, phường Nhơn Bình	75,0	582.500.000	Số thứ tự 1, Phụ lục 3 kèm theo Quyết định

V	Tại Quyết định số 1107/QĐ-UBND ngày 01/4/2024							
1	Đặng Nhơn Hiệp, vợ Dương Thị Lựu	Khu vực 6, P. Nhơn Phú	Lô 5-6, Khu N	Đường Đ9, lộ giới 14m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An, phường Nhơn Bình	113,8	1.092.480.000	Số thứ tự 6, Phụ lục 2 kèm theo Quyết định
VI	Tại Quyết định số 4184/QĐ-UBND ngày 13/11/2023							
1	Phan Thị Thìn, Nguyễn Thị Thê	Khu vực 6, P. Nhơn Phú	Lô 13, Khu E	Đường Đ1(B-B), lộ giới 15,5m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An, phường Nhơn Bình	73,0	579.750.000	Số thứ tự 3, Phụ lục 3a kèm theo Quyết định
VII	Tại Quyết định số 3969/QĐ-UBND ngày 27/10/2023							
1	Võ Văn Mười, vợ Phạm Thị Hương Lan	Khu vực 6, P. Nhơn Phú	Lô 6đ, Khu O	Đường Đ1(B-B), lộ giới 15,5m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An, phường Nhơn Bình	119,4	934.500.000	Số thứ tự 11, Phụ lục IV kèm theo Quyết định

PHỤ LỤC 2

**BẢNG TỔNG HỢP GIAO ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ CHO CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB
DỰ ÁN ĐƯỜNG VEN BIÊN (ĐT.639), ĐOẠN TỪ QUỐC LỘ 1D-QUỐC LỘ 19 MỚI**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Diện tích đất ở được bồi thường	Lô đất tái định cư được giao				Diện tích giao đất TĐC bằng diện tích đất ở thu hồi (m ²)	Giá đất cụ thể để thu tiền sử dụng đất ở tái định cư (đồng/m ²)	Diện tích giao đất TĐC vượt diện tích đất ở thu hồi (m ²)	Giá đất ở thị trường (đồng/m ²)	Hệ số góc	Giá trị tiền sử dụng đất hộ phải nộp (đồng)
				Lô đất, khu	Đường (lộ giới)	Vị trí đất tái định cư được giao	Diện tích (m ²)						
1	Nguyễn Ngon	Khu vực 6, P. Nhơn Phú		Lô 8, Khu B	đường Đ5, lộ giới 14m	Khu dân cư phía Đông chùa Bình An, phường Nhơn Bình	60,00				10.000.000		600.000.000
2	Nguyễn Thực (chết), vợ Phạm Thị Khánh	Khu vực 2, P. Nhơn Bình		Lô 1, Khu OLK-02	đường ĐS3, lộ giới 16m	Khu dân cư Khu vực 4, phường Nhơn Bình	93,70				13.000.000		1.218.100.000
3	Đặng Ấm	Khu vực 2, P. Nhơn Bình		Lô 23đ, Khu E	đường Đ2, lộ giới 14m	Khu dân cư phía Đông chùa Bình An, phường Nhơn Bình	70,00				9.000.000		630.000.000
4	Nguyễn Thành Nhân	Khu vực 3, P. Nhơn Bình		Lô 1, Khu E	Đường Đ8, lộ giới 18m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An, phường Nhơn Bình	51,98				11.500.000	1,2	717.324.000
5	Ông Lê Thanh	Khu vực 2, phường Nhơn Bình	48,7	Lô 10, Khu OLK-04	đường gom, lộ giới 10m	Khu dân cư Khu vực 4, phường Nhơn Bình	150,50	48,7	6.500.000	101,8	11.000.000		1.436.350.000
6	Nguyễn Trung (chết), Nguyễn Thị Dỹ (chết), ông Nguyễn Văn Đay, ông Nguyễn Văn Quận đại diện kê khai	Khu vực 2, P. Nhơn Bình	150	Lô 9, Khu B	đường Đ5, lộ giới 14m	Khu dân cư phía Đông chùa Bình An, phường Nhơn Bình	142,00		7.500.000			1,2	1.278.000.000
7	Võ Văn Mười, vợ Phạm Thị Hương Lan	Khu vực 6, P. Nhơn Phú	103,8	Lô 6, Khu O	Đường Đ1(A-A), lộ giới 14m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An, phường Nhơn Bình	120,62	103,80	7.500.000	16,82	10.000.000		946.700.000
8	Trần Văn Đáng (chết), vợ Lê Thị Đầu	Khu vực 6, P. Nhơn Phú	125,80	Lô 48, Khu N	Đường Đ1(B-B), lộ giới 15,5m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An, phường Nhơn Bình	155,00	125,8	7.500.000	29,2	10.000.000		1.235.500.000
9	Lê Văn Thơ, vợ Nguyễn Thị Thanh Mận	Khu vực 2, P. Nhơn Bình	67	Lô 58, Khu N	Đường Đ1(B-B), lộ giới 15,5m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An, phường Nhơn Bình	77,50	67,0	7.500.000	10,5	10.000.000		607.500.000

10	Đặng Nhơn Hiệp, vợ Đương Thị Lựu	Khu vực 6, P. Nhơn Phú	125	Lô 5-6, Khu N	Đường Đ9, lộ giới 18m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An, phường Nhơn Bình	113,88		8.500.000			1,2	<i>1.161.576.000</i>
11	Phan Thị Thìn, Nguyễn Thị Thê	Khu vực 6, P. Nhơn Phú	68,0	Lô 13, Khu E	Đường Đ1(B-B), lộ giới 15,5m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An, phường Nhơn Bình	70,00	68,0	7.500.000	2,0	10.000.000		<i>530.000.000</i>
12	Nguyễn Văn Đay	Khu vực 2, P. Nhơn Bình		Lô 57đ, Khu N	Đường Đ1(B-B), lộ giới 15,5m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An, phường Nhơn Bình	77,50				10.000.000		<i>775.000.000</i>
II	Tổng cộng						1.182,68						11.136.050.000

PHỤ LỤC 3

ĐIỀU CHỈNH TÊN CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT CHO 03 HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN ĐÃ ĐƯỢC UBND TỈNH PHÊ DUYỆT

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ gia đình, cá nhân	Điều chỉnh thành	Ghi chú
I	Tại Quyết định số 3081/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 và Quyết định số 2719/QĐ-UBND ngày 29/7/2024 của CT UBND tỉnh		
1	Nguyễn Văn Lân, vợ Phạm Thị Chinh	Nguyễn Văn Lân, vợ Phan Thị Chinh	- Số thứ tự 2, mục A, Phụ lục kèm theo Quyết định số 3081/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 - Số thứ tự 1, mục I, Phụ lục 3 kèm theo Quyết định số 2719/QĐ-UBND ngày 29/7/2024
2	Phan Thị Huyền Trân	Phan Thị Huyền Trâm	- Số thứ tự 6, mục A, Phụ lục kèm theo Quyết định số 3081/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 - Số thứ tự 5, mục I, Phụ lục 3 kèm theo Quyết định số 2719/QĐ-UBND ngày 29/7/2024
II	Tại Quyết định số 2754a/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của CT UBND tỉnh		
1	Ông Nguyễn Văn Nhơn, bà Lê Thị Kim Lang	Ông Nguyễn Văn Nhơn, bà Lê Thị Kim Lan	Số thứ tự 6, Phụ lục V kèm theo Quyết định